TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 120/2020/DS-PT
Ngày: 01 - 6 - 2020
V/v yêu cầu hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Thanh Hùng
Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thành Lập
Ông Phạm Việt Trung

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Hồng Xuyên là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Hùng - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 07 tháng 5 và 01 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 11/2020/TLPT-DS ngày 07/01/2020 về việc "Yêu cầu hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 143/2019/DS-ST ngày 04 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 111/2020/QĐ-PT ngày ngày 02 tháng 3 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1929.

Địa chỉ: Ấp T, xã Th, huyện Đ, tỉnh C.

Người đại diện cho nguyên đơn theo ủy quyền: Bà Phạm Thị C, sinh năm 1968. (có mặt)

Địa chỉ: Ấp S, xã V, huyện P, tỉnh C.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Trần Hoàng Út, là Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Cà Mau (có mặt).

- *Bị đơn:* Ông Phạm H, sinh năm 1979 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã Th, huyện Đ, tỉnh C.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Trần Hoàng Phương – Văn phòng luật sư Trần Hoàng Phương, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Cà Mau (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Thạch Thị T1, sinh năm 1974 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã Th, huyện Đ, tỉnh C.

2. Bà Phạm Thị C, sinh năm 1968 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp S, xã V, huyện P, tỉnh C.

3. Bà Phạm Thị Th, sinh năm 1967 (vắng mặt).

Địa chỉ: Khóm 2, phường 8, thành phố C.

4. Chị Phạm Mỹ T2, sinh năm 1997 (xin vắng mặt).

5. Anh Phạm Văn N, sinh năm 1994 (xin vắng mặt).

6. Bà Nguyễn Thị Đ1, sinh năm 1979 (có mặt).

7. Ông Phạm Văn Đ2, sinh năm 1959 (xin vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh C.

8. Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện Đ (vắng mặt).

Địa chỉ: Số 606, đường T, Khóm 4, thị trấn Đ, tỉnh C.

- *Người kháng cáo:* Ông Phạm H – Bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn trình bày: Vào khoảng năm 1968 cụ Nguyễn Thị T và cụ Phạm Văn K có nhận chuyển nhượng của cụ Nguyễn Thị Mười một phần đất diện tích 34.725m^2, tọa lạc tại ấp T, xã Th, huyện Đ, tỉnh C. Canh tác ổn định đến năm 2000 phân chia cho các con gồm: Phạm Văn Đ2 diện tích 3,5 công tầm lớn, Phạm Văn Đ3 diện tích 3,5 công tầm lớn, Phạm H diện tích 3,5 công tầm lớn, Phạm Thị Thuận diện tích 1,23 công tầm lớn, Phạm Thị C diện tích 300m^2 đất thổ cư. Phần còn lại cụ T và cụ K cùng ông H quản lý và ở trên đất.

Năm 2015, cụ Phạm Văn K ký hợp đồng tặng cho toàn bộ phần đất của cụ T và cụ K quản lý và những phần đất đã phân chia cho những người con khác cho ông H, khi tặng cho toàn bộ phần đất cho ông H, cụ T không biết và cũng không có ký tên trong hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất. Khoảng tháng 8/2018 đến nay cụ T không còn sống cùng ông H và đến tháng 02/2019 cụ K chết.

Căn cứ vào hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa cụ K và ông H đã được Ủy ban nhân dân xã Thanh Tùng, huyện Đầm Dơi chứng thực, Ủy ban nhân dân huyện Đầm Dơi đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Phạm H vào năm 2015.

Cụ T xác định phần đất này của cụ T và cụ K tạo lập được trong thời kỳ hôn nhân, đây là tài sản chung của cụ T và cụ K, nhưng cụ K tự ý lập hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất cho ông Phạm H mà không có sự đồng ý của cụ T là trái quy định của pháp luật.

Nay, cụ T yêu cầu Tòa án hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa cụ Phạm Văn K và ông Phạm H lập ngày 05/01/2015 đối với phần đất có diện tích 34.725m^2, thửa đất số 335, 253, tờ bản đồ số 2, tọa lạc tại ấp Tân Điền A, xã

Thanh Tùng, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng số BX 662567 do Ủy ban nhân dân huyện Đầm Dơi cấp cho ông Phạm H vào ngày 21/01/2015.

Bị đơn ông Phạm H trình bày: Về nguồn gốc đất như mẹ ông (cụ T) trình bày là đúng. Năm 2001 được Nhà nước cho chuyển dịch nuôi tôm, khi đó cha ông (cụ K) có mời tất cả anh em về để phân chia đất đai và cha mẹ ông cùng các anh em thống nhất cha ông đứng ra chia đất cho 03 anh em gồm: Phạm Văn Đ2, Phạm Văn Đ3 và Phạm H mỗi người là 3,5 công tầm lớn tọa lạc tại ấp Tân Điền A, xã Thanh Tùng, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau. Phần đất còn lại cha mẹ cùng sinh sống với vợ chồng ông.

Do trước đây vào năm 2000 cha ông có vay nợ Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện Đ số tiền 45.000.000 đồng, đến năm 2005 cha ông không trả được cho Ngân hàng, nên ông phải trả lãi thay cho cha ông số tiền 12.000.000 đồng và do cha mẹ lớn tuổi nên Ngân hàng không đồng ý tiếp tục cho vay nữa, do đó vào năm 2015 cha mẹ ông thỏa thuận yêu cầu ông trả 45.000.000 đồng và nuôi cha mẹ, cha mẹ tặng cho ông toàn bộ diện tích đất còn lại, việc cha mẹ thống nhất giao toàn bộ phần đất cho vợ chồng ông quản lý, cha mẹ có báo cho các anh em biết. Các thủ tục chuyển tên địa chính huyện Đầm Dơi xuống đo đạc cha mẹ ông đồng ý ký tên vào biên bản và có sự chứng kiến của những người giáp ranh. Khi cha mẹ thống nhất giao toàn bộ phần đất cho vợ chồng ông, vợ chồng ông phải có trách nhiệm lo ăn uống, thuốc men khi đau bệnh và đến khi cha ông qua đời vào ngày 25/02/2019. Trước đó vào ngày 20/7/2018 al ông không có nhà, các anh chị ông đã rước mẹ ông đi đến nhà chị Rết ở đến nay. Khi nuôi cha mẹ do hoàn cảnh khó khăn và phải cải tạo phần đất để sản suất, nên từ năm 2015 đến năm 2019 ông có vay Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện Đầm Dơi nhiều lần, đến nay ông có thiếu Ngân hàng tổng số tiền 200.000.000 đồng.

Năm 2011 ông Phạm Văn Đ3 có chuyển nhượng cho ông phần đất của ông Đoàn được cha mẹ chia vào năm 2001 có diện tích 3,5 công tầm lớn tọa lạc tại ấp Tân Điền A, xã Thanh Tùng, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau cho ông với giá tiền 55.000.000 đồng. Năm 2019 ông Phạm Văn Điệp có cố cho ông phần đất của ông Điệp được cha mẹ chia vào năm 2001 có diện tích 3,5 công tầm lớn tọa lạc tại ấp Tân Điền A, xã Thanh Tùng, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau, thời gian cố là 03 năm, giá cố 40.000.000 đồng.

Nay qua yêu cầu khởi kiện của cụ T, ông không đồng ý vì phần đất này cha mẹ đã thống nhất tặng cho ông và ông đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Đ1, anh Phạm Văn N và chị Phạm Mỹ T2 trình bày: Bà Điểm, anh Nút và chị Tiên thống nhất theo trình bày của ông H.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị C trình bày: Phần đất là của cha mẹ tạo lập, trước đây cha mẹ có chia cho các anh mỗi người một phần đất để ở và canh tác và bà được cha mẹ tặng cho phần đất có diện tích 300m^2. Ông H làm quyền sử dụng đất có cả phần đất của bà đã được cha mẹ cho. Tuy nhiên hiện

nay mẹ bà (cụ T) yêu cầu Tòa án hủy hợp đồng tặng cho và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông H. Qua giải thích của Tòa án về việc bà có yêu cầu khởi kiện đối với phần đất được cha mẹ tặng cho có diện tích 300m^2. Bà xác định hiện nay chưa yêu cầu Tòa án giải quyết, sau này có yêu cầu, bà khởi kiện thành vụ kiện khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị Th trình bày: Phần đất hiện nay H đứng tên làm quyền sử dụng đất là của cha mẹ tạo lập, trước đây cha mẹ có chia cho bà một phần đất có diện tích 1,23 công tầm lớn. Khi ông H làm quyền sử dụng đất có cả phần đất của bà đã được cha mẹ chia. Hiện nay mẹ bà (cụ T) yêu cầu Tòa án hủy hợp đồng tặng cho và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông H. Qua giải thích của Tòa án về việc bà có yêu cầu khởi kiện đối với phần đất được cha mẹ tặng cho có diện tích 1,23 công tầm lớn. Bà xác định hiện nay bà chưa yêu cầu Tòa án giải quyết, sau này có yêu cầu, bà khởi kiện thành vụ kiện khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Văn Đ2 trình bày: Trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ông H đứng tên, trước đây vào năm 2000 cụ K có chia cho ông một phần đất có diện tích 3,5 công tầm lớn. Phần đất này ông cùng vợ canh tác đến năm 2019, ông cố cho ông H. Nay ông xác định ông chưa yêu cầu Tòa án giải quyết, sau này có yêu cầu, ông khởi kiện thành vụ kiện khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Thạch Thị T1 trình bày: Bà thống nhất theo trình bày của ông Điệp, ngoài ra không có yêu cầu gì khác.

Đối với Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn chi nhánh huyện Đ trình bày tại văn bản ngày 20 tháng 8 năm 2019: Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn chi nhánh huyện Đ yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Dầm Đơi giải quyết vụ án theo quy định pháp luật, Ngân hàng không khởi kiện. Nếu sau này ông Phạm H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng sẽ khởi kiện bằng vụ án dân sự khác.

Từ nội dung tranh chấp trên, tại bản án dân sự sơ thẩm số 143/2019/DS-ST ngày 04 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi đã quyết định:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của cụ Nguyễn Thị T. Hủy một phần hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa cụ Phạm Văn K và ông Phạm H lập ngày 05/01/2015. Buộc ông Phạm H cùng vợ bà Nguyễn Thị Đ1 và các con chị Phạm Mỹ T2, anh Phạm Văn N di dời các cây cối và công trình trên phần đất có diện tích đất 10.232,4m^2 tọa lạc tại ấp Tân Điền A, xã Thanh Tùng, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau giao lại cho cụ Nguyễn Thị T (có tứ cận kèm theo).

Giao cho cụ T được sở hữu một cống xổ ngang 1,2m, dài 11m trên phần đất được nhận. Giao cho ông Phạm H tiếp tục quản lý sử dụng phần đất có diện tích 24.492,6m^2 và các công trình trên đất.

2. Bác yêu cầu của cụ Nguyễn Thị T về việc yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng do Ủy ban nhân dân huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau cấp cho ông Phạm H số BX 662567 vào ngày 21/01/2015.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về trường hợp thi hành án, án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 18/11/2019, ông Phạm H kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy án sơ thẩm, nếu không thì sửa án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của cụ Nguyễn Thị T. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Phạm H giữ yêu cầu kháng cáo và có thay đổi ý kiến là chấp nhận hoàn lại theo giá trị bằng tiền trên số đất cấp sơ thẩm buộc hoàn trả, với tổng số là 276.274.800 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau phát biểu quan điểm: Đề nghị chấp nhận một phần kháng cáo của ông H, sửa án sơ thẩm. Buộc ông Phạm H có trách nhiệm hoàn lại cho cụ Nguyễn thị T giá trị đất bằng tiền là 276.274.800 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét kháng cáo của ông Phạm H về nguồn gốc đất, ông H cho rằng phần đất diện tích 32.240m^2 được cấp năm 1953 và do cụ K đứng tên, cụ K và cụ T không có văn bản thỏa thuận là tài sản chung nên cần xác định phần đất này là tài sản riêng và cụ K có quyền định đoạt. Hội đồng xét xử thấy rằng: Tại văn bản số 1900/UBND-VP ngày 29/5/2020 của UBND huyện Đầm Dơi xác định phần đất có diện tích 32.240m^2 cấp cho cá nhân cụ Phạm Văn K, cấp vào năm 1990, việc cấp vào thời điểm này là cấp đồng loạt cho cá nhân. Song nhận thấy cụ K đã đưa vào sử dụng chung trong quá trình chung sống với cụ T, nên được xác định là tài sản chung của vợ chồng và việc định đoạt tài sản phải được sự đồng ý của vợ chồng. Việc cụ K thiết lập hợp đồng tặng cho toàn bộ phần đất khi không có sự đồng ý hay ý kiến của cụ T là đã thực hiện vượt quá quyền định đoạt của mình. Vì vậy, hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất của cụ K chỉ có hiệu lực một phần. Do đó, án sơ thẩm hủy một phần hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa cụ K với ông H là có căn cứ.

Tuy nhiên, sau khi tặng cho ông H là người trực tiếp quản lý và canh tác trên đất ổn định thời gian dài và hiện đã được cấp có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, trong khi đó cụ T đã quá tuổi lao động (91 tuổi) và tại phiên tòa phúc thẩm bà C là người đại diện của cụ T thừa nhận cụ T không có điều kiện để trực tiếp canh tác. Hơn nữa diện tích đất này ông H đã thế chấp tại Ngân hàng vào thời điểm ông được Ủy ban nhân dân cấp giấy chứng nhận, nên cần phải xem xét đảm bảo quyền lợi cho bên nhận thế chấp. Vì vậy việc cấp sơ thẩm giao đất cho cụ T là không phù hợp mà cần giữ nguyên việc quản lý và sử dụng đất cho ông Phạm H, chấp nhận theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát giao cho cụ T giá trị quyền sử dụng đất.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên và bị đơn thống nhất giá đất là 27.000/m^2. Vậy tổng khoản tiền ông H có trách nhiệm hoàn lại cho cụ T là: 10.232,4m^2 x 27.000đ = 276.274.800 đồng.

Về trách nhiệm hoàn trả: Nhận thấy tại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BX 662567 đứng tên ông Phạm H và thể hiện mục hình thức sử dụng là "Sử dụng riêng" và tại phiên tòa ông H thống nhất hoàn lại bằng tiền vì vậy ông H có trách nhiệm hoàn lại cho cụ T là đảm bảo theo luật định.

Như nhận định trên, cần sửa án sơ thẩm buộc ông Phạm H có trách nhiệm hoàn lại cho cụ Nguyễn Thị T giá trị quyền sử dụng đất bằng tiền là 276.274.800 đồng.

[2] Đối với kháng cáo của ông H về tố tụng, cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm không đưa UBND xã Thanh Tùng và UBND huyện Đầm Dơi vào tham gia tố tụng là vi phạm nghiêm trọng, Hội đồng xét xử thấy rằng, Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa cụ K và ông H là hợp đồng dân sự nên các bên có quyền tự thỏa thuận, UBND xã Thanh Tùng chỉ thực hiện việc chứng thực việc các bên tự nguyện ký hợp đồng, đây là việc thực hiện thủ tục hành chính trong giao dịch dân sự. UBND huyện Đầm Dơi dựa trên hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông H trong đó có Đơn đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất của cụ K, Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa cụ K với ông H để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông H. Việc UBND huyện Đầm Dơi cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông H trong trường hợp này cũng là thủ tục hành chính trong giao dịch dân sự, không mang tính chất của quyết định hành chính cá biệt. Do đó, khi giải quyết Tòa án cấp sơ thẩm không đưa UBND xã Thành Tùng và UBND huyện Đầm Dơi vào tham gia tố tụng là đúng quy định.

[3] Đối với việc kháng cáo của ông H cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông và vợ ông là bà Đ1 cùng các con chị Phạm Mỹ T2, anh Phạm Văn N di dời các cây cối và công trình trên đất nhưng không đo đạc, thẩm định, định giá đất, cây trồng, vật kiến trúc trên đất là vi phạm tố tụng. Hội đồng xét xử thấy rằng, hồ sơ vụ án thể hiện cấp sơ thẩm đã có tiến hành đo đạc, thẩm định, thể hiện tại Biên bản thẩm định và Sơ đồ đo đạc đất tranh chấp cùng ngày 02/5/2019, có các đương sự ký tên (BL 97, 98, 99). Tại Biên bản thẩm định trên đã thể hiện nội dung các bên đương sự thống nhất không yêu cầu Tòa án định giá tài sản trên đất mà các bên tự thỏa thuận với nhau và thống nhất giá phần đất tranh chấp là 27.000 đồng/m^2. Do đó, việc ông H cho rằng cấp sơ thẩm vi phạm tố tụng do không đo đạc, thẩm định, định giá đất, cây trồng, vật kiến trúc trên đất là không có cơ sở.

[4] Đối với nội dung kháng cáo về tứ cận và Sơ đồ đo đạc ghi ngày 02/5/2009 là không chính xác, Hội đồng xét xử thấy rằng, nội dung này là do cấp sơ thẩm nhầm lẫn về số liệu, đã được Tòa án cấp sơ thẩm khắc phục tại Quyết định sữa chữa, bổ sung Bản án sơ thẩm số 47/2019/TB-TA ngày 16/12/2019.

[5] Tuy nhiên trong phần quyết định có nội dung: “Bác yêu cầu của cụ Nguyễn Thị T về việc yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng do Ủy ban nhân dân huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau cấp cho ông Phạm H số BX 662567 vào ngày 21/01/2015”. Nhận thấy việc quyết định nội dung này của cấp sơ thẩm là không đúng. Bởi lẽ nội dung tranh chấp là “hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất”. Việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trong trường hợp này là thủ tục hành chính trong giao dịch dân sự, không mang tính chất của quyết định hành chính cá biệt như đã phân tích trên. Khi giải quyết tranh chấp Tòa án chỉ xem xét tính hợp pháp của giao dịch dân sự, không cần phải xem xét việc hủy hay không hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tuy nhiên đây là lỗi không lớn và cần rút kinh nghiệm.

[6] Do có xem xét việc kháng cáo của ông H và sửa án sơ thẩm nên ông H không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của ông Phạm H.

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số: 143/2019/DS-ST ngày 04 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi.

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của cụ Nguyễn Thị T. Buộc ông Phạm H có trách nhiệm hoàn trả cho cụ Nguyễn Thị T 10.232,4m^2, có giá trị bằng tiền là 276.274.800 đồng *(Hai trăm bảy mươi sáu triệu hai trăm bảy mươi bốn ngàn tám trăm đồng)*.

- Án phí dân sự sơ thẩm: Cụ Nguyễn Thị T được miễn án phí. Ông Phạm H phải chịu 300.000 đồng, ông H chưa nộp.

2. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Phạm H không phải chịu. Ông H đã dự nộp 300.000 đồng tại biên lại số 0009974 ngày 18/11/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi, được giữ lại để đối trừ án phí trong giai đoạn thi hành án.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận*:**
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Chi cục THADS huyện Đầm Dơi;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hà Thanh Hùng